

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 19-6-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; thường trú: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Q. Có mặt

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1990; thường trú: Xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Ngh; chỗ ở: Số 12/39 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Sơn H, sinh năm 1963 và bà Phan Thị Q, sinh năm 1966; cùng thường trú: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Q. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị T và anh H tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, được sự đồng ý của gia đình, anh chị có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Ngh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 01/2009 ngày 29/12/2009. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh một thời gian; sau đó chị T về quê sinh sống đến đầu năm 2018 thì chuyển vào sinh sống cùng anh H tại phường A, thành phố D, tỉnh B. Vợ chồng H phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không dành thời gian chăm sóc vợ con, có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị T xác định còn thương yêu chồng và mong muốn con cái có một gia đình trọn vẹn nên đã tha thứ để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn do anh H vẫn không dành thời gian chăm sóc gia đình, tiếp tục có mối quan hệ với người phụ nữ khác; vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên từ cuối năm 2018 chị T cùng cháu M đã về quê sinh sống cùng với cha mẹ, vợ chồng chính thức sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con tên Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/5/2011 và Lê Nguyễn Diễm M, sinh ngày 19/10/2016. Để giải quyết vấn đề hôn nhân nên từ khoảng tháng 02/2020 chị T đưa cháu M vào Bình Dương sinh sống; cháu H vẫn ở quê với ông bà ngoại. Cháu H được gửi về quê sống cùng ông bà ngoại từ khoảng năm 4 tuổi, hiện nay cháu đang theo học tại Trường tiểu học Hải An, huyện H, tỉnh Q; Thời gian chị T về quê sinh sống cả hai con được ở cùng mẹ và mẹ là người chăm sóc chính cho các con. Anh H làm nghề thầu xây dựng, thường xuyên phải làm việc theo công trình không có thời gian chăm sóc các con. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh H thỉnh thoảng gửi tiền phụ chị nuôi con. Để các con không bị xáo trộn về tâm lý khi phải thay đổi môi trường sống và môi trường học tập, chị T có việc làm và thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 7,5 triệu đồng đến 8 triệu đồng nên sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, về điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống. Anh xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt trong khi tuổi anh còn trẻ, còn có nhu cầu sinh lý nên anh đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Sau đó, vợ chồng đã hàn gắn tình cảm để các con có cuộc sống gia đình trọn vẹn. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Cuối năm 2018 chị T và cháu M đã chuyển về tỉnh Quảng Trị sinh sống cùng cháu H. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con tên Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/5/2011 và Lê Nguyễn Diễm M, sinh ngày 19/10/2016. Hiện nay cả hai con đang sống chung với chị T. Cháu H sống cùng ông bà ngoại từ năm 4 tuổi đến nay, hiện nay cháu đang học lớp 3 tại Trường tiểu học H, huyện H, tỉnh Q. Anh H hiện nay đang làm nghề thầu xây dựng thu nhập mỗi tháng khoảng 30 triệu đồng; về chỗ ở hiện nay anh H đang thuê nhà sinh sống tại số 12/39 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B nhưng chưa đăng ký tạm trú do không có giấy tờ tùy thân. Anh H làm việc theo công trình nhưng thời gian làm việc 08 tiếng một ngày; trường hợp anh nhận công trình phải đi làm xa thì anh có kế hoạch đưa mẹ ruột ở quê vào ở cùng để phụ anh chăm sóc con. Anh H khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con và đảm bảo cuộc sống tốt đẹp cho con. Mặt khác, anh H theo đạo Thiên chúa giáo nên anh muốn nuôi ít nhất một người con để đảm bảo con theo tôn giáo của mình. Vì vậy, sau khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Khánh H và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Cháu M còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên anh H giao con chung tên Lê Nguyễn Diễm M cho chị T nuôi dưỡng và thực hiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi cháu My đủ 18 tuổi.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con thì anh H không đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sơn H và bà Phan Thị Q trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của chị Nguyễn Thị T. Hiện nay cháu Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/5/2011 đang sống chung với ông bà. Cháu H được anh H và chị T gửi về quê nhờ ông bà chăm sóc từ khi cháu 3 tuổi. Hiện nay, cháu đang học lớp 3 tại Trường tiểu học Hải An. Ông bà chỉ là người được cha mẹ cháu gửi trông nom, chăm sóc chứ không có quyền quyết định vấn đề gì đối với cháu. Thời gian chị T về quê thì chị T là người chăm sóc cháu. Trong năm 2019 anh H có gửi tiền cấp dưỡng nuôi cháu H tổng cộng khoảng 7 triệu đồng. Ông bà biết vợ chồng chị T có mâu thuẫn lớn, ông bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay các con đã lớn nên cuộc sống hôn nhân tự các con quyết định. Nếu anh H và chị T ly hôn thì ông bà mong muốn Tòa án giải quyết cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa anh H và chị T đồng ý ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/5/2011 và Lê Nguyễn Diễm M, sinh ngày 19/10/2016. Xét thấy cháu Huyền từ nhỏ đến nay chủ yếu sống cùng mẹ và ông bà ngoại; được sự chăm sóc của mẹ và ông bà cháu đi học và phát triển tốt; hiện cháu đang học tiểu học tại Trường tiểu học H, huyện H, tỉnh Q; trong bản tự khai gửi Tòa án cháu H có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Cháu M còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, chị T có việc làm, thu nhập và có chỗ ở ổn định. Anh H làm nghề xây dựng có lúc phải đi làm theo công trình phần nào ảnh hưởng đến việc chăm sóc con nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao hai con cho chị T trực

tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H xác định thu nhập của anh trung bình khoảng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng/tháng. Vì vậy, yêu cầu của chị T buộc anh H cấp dưỡng 1.000.000 đồng/con/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sơn H và bà Phan Thị Q đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Ngh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 01/2009 ngày 29/12/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị Nguyễn Thị T xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng đã hàn gắn tình cảm nhưng đến năm 2018 lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế; anh H không giành thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên yêu cầu được ly hôn. Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra trong thời gian dài, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã; tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên anh đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Chị T và anh H yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung:

[3.1] Quá trình chung sống vợ chồng có hai con tên Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/5/2011 và Lê Nguyễn Diễm M, sinh ngày 19/10/2016. Hiện nay cháu H đang sống cùng ông bà ngoại tại xã H, huyện H, tỉnh Q. Cháu M đang sống cùng chị T. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Anh H yêu cầu được nuôi cháu H. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T làm việc tự do thu nhập khoảng 7.500.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc cố định. Anh H làm nghề thầu xây dựng thu nhập khoảng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng/tháng, có lúc phải đi làm theo công trình. Xét thấy, cháu My hiện còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H đồng ý giao cháu My cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu H từ nhỏ cháu không thường xuyên sống cùng ba mà sinh sống và học tập ở quê ngoại. Cháu nhận được sự yêu thương chăm sóc từ ông bà và mẹ, được đi học và phát triển tốt. Hiện nay cháu H đang học lớp 3 Trường tiểu học H, hàng năm đều hoàn thành chương trình học tập.

Chị T có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định đảm bảo tốt cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng các con. Hơn nữa, trong bản tự khai cung cấp cho Tòa án nguyện vọng của cháu Huyền là được sống cùng với mẹ. Do đó, để cháu H không bị thay đổi môi trường sống, môi trường học tập gây ảnh hưởng đến tâm lý và kết quả học tập của cháu. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu M cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Anh H có thu nhập mỗi tháng khoảng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là để đảm bảo cho các con có cuộc sống tốt hơn. Đối chiếu thu nhập của anh H thì chị T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 (một triệu) đồng/con/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn và anh Lê Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228 và các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Ngh cấp ngày 29/12/2009).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Văn H về việc nuôi con.

- Về con chung: Buộc anh Lê Văn H giao hai con chung tên Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/5/2011 và Lê Nguyễn Diễm M, sinh ngày 19/10/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Văn H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 28/5/2011 và Lê Nguyễn Diễm M, sinh ngày 19/10/2016 số tiền 1.000.000 (một triệu đồng) đồng/con/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải

chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, chị T và anh H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị T nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040133, ngày 27-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã D, huyện D, tỉnh Ngh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Vân**

